

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST.

Ngày: 17/04/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long và bà Y Blur.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 03 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Tr** (Tên gọi khác: T), sinh ngày 12/08/ 1994 tại K. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn f xã Đăk M, huyện Đăk H, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Th (đã chết) và bà Đoàn Thị X (sinh năm 1971); trú tại: f, xã Đăk M, huyện Đăk H, tỉnh K; Tiền án: 01

- Bản án số 11/2016/HSST, ngày 15/3/2016 của Tòa án nhân huyện Đăk H, tỉnh K xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 28/11/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

- Bản án số 14/2016/HS-ST, ngày 01/3/2016 của Tòa án nhân thành phố K, tỉnh K xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 09/9/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

- Quyết định số 0000107QĐ/XPVPHC ngày 23/01/2019 của Công an thành phố K xử phạt hành chính “Phạt tiền” đối với bị cáo về hành vi “Đánh bạc”. Ngày 12/02/2019 chấp hành xong quyết định xử phạt.

- Quyết định số 000071QĐ/XPVPHC ngày 15/05/2019 của Công an phường Quang T xử phạt hành chính “Phạt tiền” đối với bị cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/12/2019 đến nay. Có mặt.

-Người bị hại

Anh Phan Trọng Ng, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn KonSolam I, phường Trường Ch, thành phố K, tỉnh K. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh A S, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn KonSolam I, phường Trường Ch, thành phố K, tỉnh K. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Đàm Đình H, sinh năm 1980; Trú tại: Số g, Trần P, phường Thắng L, thành phố K, tỉnh K. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Trí B, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn KonTu I, xã Đăk BL, thành phố K, tỉnh K. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12/11/2019, Nguyễn Văn Tr đến chơi nhà Phan Trọng Ng, lúc này có 03 người bạn của Ng (không rõ lai lịch) cũng ở đây nên tất cả cùng nhậu tại nhà Ng. Một lúc sau, Tr mệt nên đi vào trong nhà nghỉ trước, đến khoảng 14 giờ cùng ngày Tr tỉnh dậy ra về thì thấy Ng nằm ngủ trước hiên nhà, bên cạnh có để 01(một) điện thoại di động OPPO A5S, màu đen nên Tr đã trộm cắp chiếc điện thoại. Sau khi trộm được chiếc điện thoại, Tr mang đến tiệm cầm đồ Anh P cầm cố chiếc điện thoại cho ông Đàm Đình H được 1.550.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ ngày 15/11/2019, Tr đến chơi nhà Nguyễn Trí B thì gặp A S đang ở đây. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện Tr hỏi “*có ai mua điện thoại không*” thì A S hỏi lại “*điện thoại của ai? bao nhiêu tiền?*”, Tr trả lời “*1.800.000 đồng, điện thoại của tôi đang cầm ở tiệm cầm đồ*” nên A S đồng ý. Do chỉ mang theo người 200.000 đồng nên A S mượn thêm của Bảo 1.600.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô (không rõ BKS) chở Tr đến tiệm cầm đồ Anh P. Khi đến nơi, A S đưa Tr 1.800.000 đồng, Trung cầm tiền vào chuộc điện thoại hết 1.580.000 đồng và mang điện thoại ra đưa cho A S, số tiền 220.000 đồng còn lại Tr giữ. Sau đó A S điều khiển xe chở Tr đến quán Internet tại xã Đăk BL, thành phố K, tỉnh K, A S điều khiển xe đi về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 113/ĐG-TS ngày 22/11/2019 của Hội đồng ĐGTS trong Tổ tụng hình sự UBND thành phố K kết luận: Giá trị 01 điện thoại di động OPPO A5S màu đen là 3.441.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

+ Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành thu giữ 01 điện thoại di động OPPO A5S màu đen đã xác định được

chủ sở hữu là anh Phan Trọng Ng nên trả lại cho anh Ng là có căn cứ. Anh Ng không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT- VKSTPKT ngày 04/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Đối với số tiền 1.800.000 đồng A S mua điện thoại từ bị cáo, A S không yêu cầu bị cáo trả lại, xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên bị cáo phải nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn Tr thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của người bị hại và người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Tr thừa nhận: Khoảng 14 giờ ngày 12/11/2019 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01(một) điện thoại di động OPPO A5S, màu đen của anh Phan Trọng Ng, điện thoại có giá trị 3.441.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn Tr đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 39/CT- VKSTPKT ngày 04/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn. Tuy nhiên, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Tr đã bị Tòa án xét xử 02 lần về tội trộm cắp tài sản, đều đã chấp hành xong hình phạt nhưng bị cáo chưa chấp hành xong nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm đối với bản án số 14/2016/HS-ST, ngày 01/3/2016 của Tòa án nhân thành phố K, tỉnh K nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Sau khi chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/9/2017 trở về địa phương sinh sống, bị cáo không rút ra được bài học, không tự rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bị Công an phường Quang Tr xử phạt hành chính và thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên.

[6] Với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về các vấn đề khác:

Người bị hại anh Phan Trọng Nga đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng A S mua điện thoại từ bị cáo, A S không yêu cầu bị cáo trả lại. Xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr phải nộp để tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đàm Đình H và anh Nguyễn Trí B (đều không biết chiếc điện thoại là tài sản trộm cắp); không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Tr (Tên gọi khác: T)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ tạm giam 12/12/2019.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr phải nộp số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) để tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Thu